

Số: 93 /QĐ-UBND

*Bắc Giang, ngày 17 tháng 01 năm 2023*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề án cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng  
việc làm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 - 2025**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Việc làm ngày 16/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Theo đề nghị của Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tại Tờ trình số 47/TTr-NHCS ngày 12/01/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án “Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023 - 2025”.

**Điều 2.** Giao Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án này.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang,

Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Giang; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ngân hàng CSXH (báo cáo);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- UBMTTQVN tỉnh Bắc Giang;
- Các tổ chức CT - XH tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
- + LĐVP, TPKTTH, VX, TTTT, TH;
- + Công TTĐT tỉnh;
- + Lưu: VT, KTTH.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Thế Tuấn**

**ĐỀ ÁN**  
**CHO VAY HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG**  
**VIỆC LÀM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG, GIAI ĐOẠN 2023-2025**  
(Kèm theo Quyết định số: 93 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án**

1.1. Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013.

1.2. Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội; Kết luận số 06-KL/TW ngày 10 tháng 6 năm 2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội.

1.3. Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

1.4. Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ Quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP.

1.5. Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1.6. Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

1.7. Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**2. Căn cứ thực tiễn**

Tỉnh Bắc Giang thuộc khu vực Đông Bắc Việt Nam, với diện tích tự nhiên 3.851,4 km<sup>2</sup>, dân số gần 1,9 triệu người, trong đó gần 1,2 triệu người trong độ tuổi lao động; có 10 đơn vị hành chính cấp huyện (09 huyện và 01 thành phố). Trong những năm qua, Bắc Giang có bước phát triển toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu hút đầu tư FDI luôn nằm trong nhóm những tỉnh dẫn đầu cả nước. Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện. Đây chính là nhân tố cơ bản, góp phần tạo thêm nhiều việc làm mới. Tuy nhiên, vấn đề giải quyết việc làm cho lao động của tỉnh vẫn còn nhiều yếu tố khó khăn, thách thức. Lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn còn chiếm tỷ lệ lớn; một

bộ phận lớn lao động có việc làm còn chưa ổn định, thu nhập thấp; lao động chưa qua đào tạo nghề còn nhiều; chất lượng nguồn lao động có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp, nhất là trong các doanh nghiệp sử dụng công nghệ cao, thiết bị hiện đại. Đồng thời, lao động ở nông thôn hiện nay không chỉ là lao động thuần túy như trước đây mà đòi hỏi phải có kiến thức chuyên môn trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và cần thiết phải được đào tạo. Song nhiều lao động không có kinh phí để học nghề và tự mua sắm phương tiện, công cụ, máy móc để làm việc, dẫn đến tình trạng chất lượng lao động thấp, thiếu việc làm tại khu vực nông thôn. Nên vấn đề giải quyết việc làm cho lao động trở nên hết sức cấp bách, đòi hỏi sự hỗ trợ về nhiều mặt và đồng bộ của các ngành các lĩnh vực, trong đó, chính sách cho vay vốn giải quyết việc làm cho người lao động góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm tình trạng thiếu việc làm cục bộ, khai thác tối đa thời gian rảnh rỗi của lao động tại khu vực nông thôn, giúp người lao động có tay nghề, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

### **3. Kết quả cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm trên địa bàn tỉnh**

Hiện tại, chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh đang triển khai thực hiện 20 chương trình tín dụng ưu đãi với tổng dư nợ tín dụng đến 31/12/2022 đạt 5.827,8 tỷ đồng, trên 107 ngàn khách hàng còn dư nợ. Trong 20 năm, nguồn vốn tín dụng chính sách đã góp phần cải thiện cuộc sống của người dân, giúp 176.787 lượt hộ nghèo vượt qua nghèo, thu hút tạo việc làm mới, duy trì và mở rộng việc làm cho 58.326 lao động, góp phần giảm nạn cho vay nặng lãi ở nông thôn, giảm tỷ lệ hộ nghèo, giảm tỷ lệ thất nghiệp, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị, trật tự xã hội, an ninh quốc phòng tại địa phương.

#### **3.1. Kết quả cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm**

- Huy động nguồn vốn để cho vay: Đến 31/12/2022, tổng nguồn vốn cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm trên địa bàn tỉnh đạt 647,2 tỷ đồng. Trong đó: nguồn vốn từ Quỹ Quốc gia về việc làm là 69,1 tỷ đồng; nguồn vốn do NHCSXH huy động để cho vay là 196,1 tỷ đồng; nguồn vốn cho vay theo Nghị quyết số 11/NQ-CP là 190 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang NHCSXH để cho vay là 192 tỷ đồng.

- Kết quả cho vay:

Trong 3 năm 2020-2022<sup>1</sup>, đã có 11.542 lượt khách hàng được vay vốn với tổng số tiền giải ngân 721,4 tỷ đồng; hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho 11.587 người lao động, trong đó lao động nữ: 5.196 người, lao động là người khuyết tật: 86 người, lao động là người dân tộc thiểu số 478 người.

- Tổng dư nợ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đạt 647 tỷ đồng, với 10.283 khách hàng đang có dư nợ, bình quân 62,9 triệu đồng. Trong đó: dư nợ cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm là 69 tỷ đồng; dư nợ cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH huy động là 196 tỷ đồng; dư nợ cho vay theo Nghị

<sup>1</sup> Số liệu về kết quả cho vay được cập nhật lại đến hết 31/12/2022 (trong Dự thảo là số liệu đến 30/11/2022).

quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ là 190 tỷ đồng; dư nợ cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH là 192 tỷ đồng.

- Chất lượng tín dụng ngày càng được nâng lên và bền vững, nợ quá hạn chỉ có 88 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,03%/tổng dư nợ của chương trình; trong đó nguồn vốn ngân sách địa phương không có nợ quá hạn. Tỷ lệ thu nợ chương trình này luôn đạt trên 99% khi đến hạn.

### **3.2. Hiệu quả kinh tế xã hội**

Với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ và tích cực của các cấp, các ngành, đơn vị liên quan, triển khai thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm trên địa bàn tỉnh đã mang lại hiệu quả hết sức thiết thực về mặt kinh tế, chính trị - xã hội; trong 3 năm 2020-2022 đã tạo việc làm mới, duy trì và mở rộng việc làm cho trên 10 ngàn lao động có việc làm, thu nhập ổn định, góp phần đáng kể vào mục tiêu phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, đặc biệt tạo điều kiện cho người dân chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng, sản xuất - kinh doanh.

Thông qua chính sách cho vay các khách hàng vay vốn mạnh dạn đầu tư vào các dự án nông nghiệp công nghệ cao, phát triển sản phẩm làng nghề truyền thống, phát triển sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao, 4 sao; các dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo ngày càng phát triển,<sup>2</sup> đầu tư các mô hình chăn nuôi quy mô lớn, sản xuất - kinh doanh trong việc phát triển kinh tế, thu hút tạo việc làm cho người lao động, trong đó có lao động bị chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp, lao động nữ, lao động nông thôn, lao động người dân tộc thiểu số, người khuyết tật.

Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay trong những năm qua đã mang lại hiệu quả tích cực, nhiều mô hình sản xuất kinh doanh được hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn này đã phát huy hiệu quả, tạo việc làm mới và duy trì, mở rộng việc làm cho nhiều lao động thất nghiệp, lao động thiếu việc làm, lao động nhàn rỗi. Cụ thể các mô hình sản xuất được vay từ chương trình đã phát huy hiệu quả như: Mô hình sản xuất sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao của Hợp tác xã Thanh niên Nông thôn Bắc Giang (thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho 10 lao động); Dự án khởi nghiệp sáng tạo của Hợp tác xã nông nghiệp công nghệ cao Xuân Trường, (huyện Việt Yên, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho 11 lao động); Doanh nghiệp tư nhân Bình Phú Thịnh (huyện Việt Yên, tạo việc làm, thu nhập ổn định cho 15 lao động); Hợp tác xã sản xuất và tiêu thụ Sâm nam núi Dành Liên Chung (xã Liên Chung, huyện Tân Yên, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho 10 lao động là thành viên Hợp tác xã; Hợp tác xã sản xuất rượu Như Bảo (xã Vĩnh An, huyện Sơn Động sản xuất rượu truyền thống, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho 18 lao động),...

---

<sup>2</sup> Các dự án và sản phẩm phát triển từ nguồn vốn giải quyết việc làm: Sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao trồng măng Lục Trúc, xã Ngọc Châu, Tân Yên; mô hình trồng nho trong nhà lưới, xã An Bá, huyện Sơn Động; Dự án nuôi con đặc sản Dúi thương phẩm, xã Bảo Đài, huyện Lục Nam; Chuối cửa hàng cung cấp thực phẩm sạch xã Bảo Đài, huyện Lục Nam,...

Việc thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đã giúp cho người lao động có việc làm ổn định, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo, hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi, ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

## **4. Đánh giá chung**

### ***4.1. Thuận lợi và kết quả tích cực***

Hoạt động tín dụng chính sách xã hội luôn được Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, coi đây là một trong những giải pháp cơ bản để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, đảm bảo an sinh xã hội. Đặc biệt, Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội, yêu cầu tổ chức thực hiện tốt các chủ trương huy động các nguồn lực cho tín dụng chính sách xã hội gắn với việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; xây dựng, lồng ghép mô hình, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững của địa phương với việc sử dụng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội; các địa phương tiếp tục cân đối, ưu tiên bố trí nguồn vốn từ Ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm bổ sung nguồn vốn cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng chính sách xã hội<sup>3</sup>.

Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Giang thường xuyên quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác giải quyết việc làm cho người lao động, đồng thời chỉ đạo tăng cường huy động nguồn lực để thực hiện tốt việc cho vay vốn tín dụng chính sách đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường giải quyết việc làm, nhất là lao động khu vực nông thôn để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động; tạo chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực việc làm, nâng cao thu nhập người lao động và bảo đảm an sinh xã hội; hàng năm xây dựng, cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm bổ sung nguồn vốn cho vay; phấn đấu đến năm 2025, nguồn vốn ngân sách địa phương chiếm tỷ trọng 6-7%, đến năm 2030 chiếm tỷ trọng 10-15% tổng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn<sup>4</sup>.

Ngân hàng Chính sách xã hội đã triển khai các chính sách tín dụng ưu đãi rộng khắp đến tất cả các thôn, bản, tổ dân phố trong toàn tỉnh. Quá trình cho vay, quản lý vốn có sự tham gia của chính quyền, các cơ quan, đơn vị, các tổ chức chính trị xã hội tại địa phương, Tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn, Trưởng thôn đã giúp cho việc quản lý vốn tín dụng chính sách được công khai hóa, dân chủ hoá, xã hội hoá, giúp cho người dân tiếp cận nguồn vốn vay thuận tiện, nhanh chóng, thủ tục cho vay đơn giản; huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để chuyển tải nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội của Chính phủ,

<sup>3</sup> Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội; Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW; Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW

<sup>4</sup> Công văn số 542-CV/TU ngày 09/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Công văn số 461/UBND-KTTH ngày 24/9/2021, Công văn số 2342/UBND-KTTH ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh.

của địa phương đến người nghèo và các đối tượng chính sách khác, giúp các đối tượng biết sử dụng vốn vay, nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội.

#### **4.2. Một số khó khăn, tồn tại**

Mặc dù Chính phủ đã ban hành Nghị định số [61/2015/NĐ-CP](#) và Nghị định số [74/2019/NĐ-CP](#) quy định về Quỹ quốc gia về việc làm. Tuy nhiên, nguồn vốn cho vay từ Quỹ quốc gia việc làm còn rất hạn chế, nhiều năm chưa được bổ sung mới, chưa đáp ứng được nhu cầu vốn cho người lao động và các cơ sở sản xuất kinh doanh,...

Nguồn vốn địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội chiếm tỷ trọng nhỏ so với tổng nguồn vốn (3,5%); mức đầu tư cho vay hỗ trợ tạo việc làm mới trên một lao động còn thấp dẫn đến hiệu quả, tính ổn định, bền vững trong giải quyết việc làm chưa cao; các khó khăn trên cần phải có giải pháp khắc phục.

Vì vậy, xuất phát từ căn cứ pháp lý, nhu cầu thực tiễn, những thuận lợi và khó khăn trên, việc ban hành Đề án “Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 - 2025” là rất cần thiết.

## **II. DỰ BÁO TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM, NHU CẦU VAY VỐN HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2023-2025 VÀ NGUỒN VỐN ĐÁP ỨNG.**

Trong 3 năm 2020-2022, toàn tỉnh tạo việc làm mới cho 101.100 lao động<sup>5</sup>. Năm 2022, tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh đạt 74% (trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo đạt 32%); tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị giảm xuống còn 2,8%. Về cơ cấu lao động, tỷ lệ lao động ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 41,9%, ngành dịch vụ chiếm 29%, ngành nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 29,1%<sup>6</sup>. Cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế của tỉnh đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng tích cực, là điều kiện quan trọng để tăng thu nhập cho người lao động, góp phần chuyển đổi mô hình nền kinh tế của tỉnh từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp, dịch vụ. Chất lượng lao động ngày một nâng cao, đã đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nền kinh tế; công tác tạo việc làm, năng suất lao động trung bình của người lao động đã được nâng lên, góp phần trong nâng cao sức mạnh của nền kinh tế và thu nhập của người lao động.

Theo dự tính đến năm 2025, dân số của toàn tỉnh gần 2 triệu người; trong đó dân số trong độ tuổi lao động trên 1,2 triệu người; tỷ lệ dân số đô thị đạt 32,4%. Việc phát triển công nghiệp, dịch vụ và quá trình đô thị hóa sẽ góp phần to lớn vào việc tạo ra nhiều chỗ làm việc mới, tăng thu nhập cho người lao động, chất lượng, năng suất, đời sống người lao động được cải thiện. Đồng thời, diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp, người lao động nông thôn có xu hướng tìm kiếm việc làm

<sup>5</sup> Năm 2020: 32.500 lao động (Báo cáo số 25/BC-BCĐ ngày 27/2/2021 của Ban chỉ đạo GDNN và GQVL); năm 2021: 35.000 lao động (Báo cáo số 394/BC-LĐTĐ&XH ngày 20/12/2021 của Sở LĐ-TĐ&XH) và năm 2022 33.600 lao động (Báo cáo số 141/BC-UBND ngày 03/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang).

<sup>6</sup> Báo cáo số 141/BC-UBND ngày 03/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang.

tại các đô thị và dịch chuyển từ lĩnh vực nông nghiệp sang làm việc trong ngành công nghiệp và dịch vụ, tạo áp lực lớn lên các đô thị và công tác giải quyết việc làm cho người lao động.

Vấn đề giải quyết việc làm cho lao động của tỉnh vẫn còn nhiều yếu tố khó khăn, thách thức. Đến năm 2025, lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn còn chiếm tỷ lệ lớn (chiếm 25,7%); một bộ phận lớn lao động có việc làm còn chưa ổn định, thu nhập thấp; lao động chưa qua đào tạo còn gần 20%; tỷ lệ lao động chưa có văn bằng, chứng chỉ đào tạo còn trên 55%, tương đương trên 700 ngàn người; chất lượng nguồn lao động có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp, nhất là trong các doanh nghiệp sử dụng công nghệ cao, thiết bị hiện đại. Dẫn đến tình trạng thất nghiệp tại khu vực đô thị, thiếu việc làm tại khu vực nông thôn còn chiếm tỷ lệ cao.

Nhằm thực hiện tốt công tác giải quyết việc làm cho người lao động, bảo đảm việc làm cho người có nhu cầu làm việc, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp và nâng cao tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn, chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đề ra nhiều chủ trương, giải pháp trong các Nghị quyết, Kế hoạch. Một trong những giải pháp được Tỉnh ủy, UBND tỉnh đưa ra là *“Thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi, tạo việc làm thông qua hoạt động cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm”*. Tuy nhiên, nguồn vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn vốn huy động để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm thông qua NHCSXH còn rất hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu.

- Theo đánh giá của Đoàn giám sát của HĐND tỉnh về chính sách công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2020-2022, chính sách vay vốn hỗ trợ tạo việc làm nguồn vốn chưa đáp ứng được nhu cầu, mức cho vay bình quân còn thấp.

- Tại Hội nghị Đối thoại với Nông dân của Chủ tịch UBND tỉnh ngày 08/10/2022 và Hội nghị gặp mặt, đối thoại với Hợp tác xã của UBND tỉnh ngày 14/11/2022, nhiều Hợp tác xã, tổ hợp tác và nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân tiêu biểu của tỉnh có đề xuất được vay vốn từ các nguồn vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

- Trong quá trình triển khai thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi, chi nhánh NHCSXH thường xuyên phối hợp với Sở Lao động Thương binh và xã hội, các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành rà soát nhu cầu vay vốn, nhiều ý kiến đề xuất từ các xã, phường, thị trấn cần tăng nguồn vốn cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm. Theo thống kê nhu cầu vay vốn khi triển khai Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội, trong 2 năm 2022-2023, có khoảng trên 20 ngàn lao động có nhu cầu làm việc và vay vốn để tự tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho bản thân và những người lao động trong gia đình (nhóm việc làm tự tạo, việc làm gia đình) với tổng nhu cầu vốn là 1.800 tỷ đồng.

*(Tổng hợp khảo sát nhu cầu vay vốn tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2)*



*Về nguồn vốn:* Mặc dù nguồn thu ngân sách của tỉnh và các huyện trong thời gian vừa qua đã có sự phát triển, song thu ngân sách của tỉnh vẫn chưa đảm bảo nhu cầu chi (là tỉnh vẫn phụ thuộc vào nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương), trong khi nhu cầu vốn đầu tư, phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các lĩnh vực là rất lớn; khả năng bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh và huyện trong 3 năm 2023-2025 để bổ sung nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu, phần đầu đạt khoảng 200 tỷ đồng và tiếp tục đề nghị nguồn vốn đối ứng từ nguồn vốn huy động của NHCSXH trung ương hỗ trợ khoảng 200 tỷ đồng.

### **III. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHÍNH SÁCH CHO VAY HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM VÀ HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN**

#### **1. Mục tiêu chung**

Hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, thu hút thêm lao động mới; trợ giúp người thất nghiệp, người thiếu việc làm tự tạo việc làm tại chỗ cho bản thân và gia đình, hỗ trợ người lao động kiến thức trong sản xuất kinh doanh. Qua đó từng bước giúp người lao động có việc làm ổn định, nâng cao điều kiện sống của những hộ có thu nhập thấp; góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm tình trạng thiếu việc làm cục bộ, khai thác tối đa thời gian rảnh rỗi, duy trì và tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn, thu hẹp khoảng cách giữa người nghèo và cộng đồng dân cư, đảm bảo an sinh xã hội, tạo việc làm, xây dựng nông thôn mới, ổn định chính trị, trật tự xã hội. Đến năm 2025, tạo việc làm mới, duy trì và mở rộng việc làm cho khoảng 10.000 lao động.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Huy động nguồn vốn mới bổ sung để cho vay 400 tỷ đồng. Trong đó: nguồn vốn bổ sung từ ngân sách tỉnh, huyện khoảng 200 tỷ (ngân sách tỉnh 125 tỷ đồng, ngân sách huyện, thành phố 75 tỷ đồng); nguồn vốn từ NHCSXH trung ương bố trí đối ứng 200 tỷ đồng (*Chi tiết tại Phụ lục 3*).

- Nguồn vốn bổ sung mới và nguồn vốn thu hồi nợ (khoảng 315 tỷ đồng) sẽ tạo việc làm mới, duy trì và mở rộng việc làm cho khoảng 10.000 lao động (*năm 2023 khoảng 3.000 lao động, với số tiền cho vay 190 tỷ đồng; năm 2024 khoảng 3.500 lao động, với số tiền cho vay 245 tỷ đồng và năm 2025 khoảng 3.500 lao động, với số tiền cho vay 280 tỷ đồng*).

- Tổng dư nợ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đến hết năm 2025 đạt 1.046 tỷ đồng.

#### **3. Nội dung chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm**

Áp dụng chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị

định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP, cụ thể:

### **3.1. Đối tượng cho vay, gồm:**

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh (gọi tắt là cơ sở sản xuất kinh doanh).

- Người lao động theo quy định của Luật việc làm có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

Ưu tiên cho vay vốn đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, người lao động đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất kinh doanh các sản phẩm của làng nghề truyền thống, các sản phẩm OCOP, các dự án khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp, sáng tạo; người lao động nông nghiệp không đất nông nghiệp, lao động nông thôn đã hoàn thành các khóa đào tạo nghề, có nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp; lao động nữ; lao động là người dân tộc thiểu số, lao động là thanh niên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, người chấp hành xong án phạt tù tái hòa nhập cộng đồng.

### **3.2. Về mức cho vay:**

- Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, mức vay tối đa 02 tỷ đồng/dự án và không quá 100 triệu đồng cho 01 người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm. Mức vay từ 100 triệu đồng trở lên, cơ sở sản xuất, kinh doanh phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm.

- Đối với người lao động, mức vay tối đa là 100 triệu đồng.

Mức vay cụ thể do NHCSXH xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.

**3.3. Lãi suất cho vay:** bằng lãi suất cho vay đối với hộ cận nghèo theo quy định pháp luật về tín dụng đối với hộ cận nghèo (hiện nay là 7,92%/năm).

**3.4. Thời hạn cho vay:** tối đa 120 tháng. Thời hạn cho vay cụ thể do NHCSXH xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.

**3.5. Phương thức cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, định kỳ trả nợ, xử lý nợ rủi ro,...:** thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của Tổng Giám đốc NHCSXH.

**3.6. Quản lý, sử dụng lãi cho vay thu được từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH:** thực hiện theo Điều 11 Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh.

**3.7. Xử lý nợ bị rủi ro đối với các khoản cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua NHCSXH:** thực hiện theo Điều 12 Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh.

#### **4. Đánh giá hiệu quả đề án**

##### **4.1. Về mặt xã hội**

- Thể hiện sự quan tâm của Tỉnh ủy, HĐND, UBND đối với công tác tín dụng chính sách; góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững, nâng cao đời sống người lao động, hạn chế tình trạng tín dụng đen hoạt động trên địa bàn nông thôn và các tệ nạn xã hội, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh trật tự xã hội ở địa phương.

- Nguồn vốn cho vay hỗ trợ cho những đối tượng yếu thế, khắc phục tình trạng thiếu việc làm, tạo việc làm tại chỗ, giúp người dân yên tâm phát triển kinh tế tại địa phương; góp phần làm thay đổi diện mạo, cuộc sống ở khu vực nông thôn; nâng cao trình độ dân trí, giúp người vay nâng cao hiểu biết và đưa khoa học kỹ thuật vào phục vụ sản xuất, ổn định trật tự, an toàn xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

- Thông qua hoạt động tín dụng chính sách góp phần hình thành các mối quan hệ mới trong cộng đồng người nghèo và các đối tượng chính sách khác trong Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) cùng nhau hợp tác vay vốn, giúp đỡ nhau trong sản xuất, kinh doanh và trong cuộc sống, cùng có trách nhiệm liên đới trong việc vay vốn, hoàn trả nợ vay... tạo điều kiện để xây dựng nông thôn mới, ổn định trật tự, là cơ sở để từng bước tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Góp phần gắn kết cộng đồng dân cư thông qua hoạt động của các Tổ TK&VV, giúp chính quyền cơ sở hoạch định, định hướng phát triển kinh tế cho địa phương.

- Hoạt động uỷ thác thông qua các tổ chức chính trị - xã hội và các Tổ TK&VV đã huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, góp phần nâng cao hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội càng thêm phong phú, số lượng hội viên tham gia sinh hoạt ngày càng đông. Xây dựng tình đoàn kết, trách nhiệm, gắn bó trong cộng đồng dân cư, phát huy sức mạnh của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần giúp các tổ chức chính trị - xã hội gắn bó, gần gũi hơn với nhân dân, hội viên của Hội.

##### **4.2. Về mặt kinh tế**

- Tạo việc làm mới, duy trì, mở rộng và tăng thêm việc làm cho người lao động; hỗ trợ người lao động, người thất nghiệp, người thiếu việc làm tự tạo việc làm tại địa phương, qua đó từng bước nâng cao điều kiện sống của những hộ có

thu nhập thấp; góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa người nghèo và cộng đồng dân cư.

- Nguồn vốn tín dụng ưu đãi bố trí kịp thời, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, người lao động đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất kinh doanh các sản phẩm của các làng nghề truyền thống, các sản phẩm OCOP, các dự án khởi sự kinh doanh, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ người dân kịp thời về vốn sản xuất, kinh doanh, phát triển sản xuất, chăn nuôi, đầu tư các ngành nghề thế mạnh của địa phương.

## **5. Điều khoản chuyển tiếp**

Sau thời gian thực hiện Đề án, nguồn vốn ngân sách địa phương bổ sung giai đoạn này sẽ được hòa chung cùng với tổng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

## **IV. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Giải pháp thực hiện Đề án**

- Tiếp tục tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện tốt nội dung Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 542-CV/TU ngày 09/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Công văn số 461/UBND-KTTH ngày 24/9/2021, Công văn số 2342/UBND-KTTH ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh và các văn bản chỉ đạo của trung ương, của tỉnh đối với tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung huy động nguồn lực, tranh thủ nguồn vốn từ Trung ương, bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương hằng năm để bổ sung nguồn vốn cho vay các chương trình tín dụng chính sách cũng như triển khai thực hiện Đề án. Xây dựng, lồng ghép mô hình, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững của địa phương với việc sử dụng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội.

- Triển khai cho vay kịp thời các chương trình tín dụng ưu đãi đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch đúng đối tượng, tránh bị lợi dụng, trục lợi chính sách; lồng ghép việc triển khai thực hiện Đề án với các chương trình, dự án, đề án đang thực hiện.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với cơ sở để tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc liên quan hoạt động tín dụng chính sách xã hội cũng như trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về vai trò, hiệu quả từ nguồn vốn; tuyên truyền gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến trong quản lý, sử dụng vốn.

## **2. Tổ chức thực hiện**

### **2.1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thông tin, tuyên truyền gắn chính sách tín dụng ưu đãi trong triển khai đào tạo nghề, giải quyết việc làm và an sinh xã hội trên địa bàn; định hướng và tư vấn về nghề nghiệp, chính sách đào tạo nghề và việc làm sau đào tạo đối với lao động trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu các chính sách và các chương trình, giải pháp liên quan đến công tác giải quyết việc làm cho người lao động để lồng ghép trong quá trình thực hiện Đề án.

c) Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thành phố phối hợp với NHCSXH cùng cấp trong việc triển khai cho vay theo Đề án; tuyên truyền, hỗ trợ, tạo điều kiện để các đối tượng thụ hưởng được tiếp cận chính sách.

### **2.2. Sở Tài chính**

a) Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh chủ trì, phối hợp chi nhánh NHCSXH tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua NHCSXH tỉnh theo kế hoạch của Đề án.

b) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các ngành có liên quan đề xuất chính sách, giải pháp, tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án có liên quan đến lĩnh vực lao động, việc làm với việc thực hiện Đề án.

c) Ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh phân vốn ngân sách tỉnh ủy thác để triển khai sử dụng nguồn vốn thực hiện Đề án.

d) Chỉ đạo phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cấp ủy, chính quyền cùng cấp hằng năm bố trí nguồn vốn ngân sách ủy thác sang NHCSXH theo kế hoạch của Đề án.

đ) Thường xuyên nắm bắt tình hình và đôn đốc các huyện, thành phố cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách theo kế hoạch của Đề án.

### **2.3. Chi nhánh NHCSXH tỉnh Bắc Giang**

a) Chịu trách nhiệm báo cáo và đề xuất Tổng Giám đốc NHCSXH Việt Nam bố trí nguồn vốn đối ứng với nguồn vốn địa phương chuyển sang hàng năm, đảm bảo nguồn vốn thực hiện Đề án.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện Đề án; triển khai cho vay đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng quy định của pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Đề án.

d) Tăng cường kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn, rút kinh nghiệm việc sử dụng nguồn vốn vay bảo đảm phát huy hiệu quả.

đ) Hằng năm hoặc theo yêu cầu, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính tình hình thực hiện Đề án.

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Báo cáo tổng kết Đề án vào đầu quý IV năm 2025; đề xuất giải pháp thực hiện trong giai đoạn tiếp theo (2026-2030).

#### **2.4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các Tổ chức chính trị - xã hội tỉnh**

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Đề án này để hội viên và nhân dân biết và triển khai, thực hiện kịp thời; phát huy tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội việc thực hiện Đề án công khai, minh bạch, hiệu quả. Tuyên truyền, vận động bằng hình thức phù hợp để huy động sự đóng góp của các tổ chức, các doanh nghiệp và các cá nhân bổ sung nguồn vốn để thực hiện Đề án.

Tổ chức chính trị - xã hội các cấp thực hiện tốt các nội dung công việc được NHCSXH ủy thác; phối hợp chặt chẽ với NHCSXH trong quá trình triển khai cho vay đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng; tăng cường kiểm tra, giám sát, hỗ trợ người vay về kinh nghiệm sản xuất, khoa học kỹ thuật, giúp người vay sử dụng vốn vay hiệu quả, nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống.

#### **2.5. UBND huyện, thành phố**

a) Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và nội dung Đề án, hằng năm bố trí nguồn vốn ngân sách chuyển sang NHCSXH cùng cấp để triển khai, thực hiện theo kế hoạch Đề án. Tổ chức thực hiện lồng ghép Đề án này với chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội khác để huy động nguồn lực thực hiện có hiệu quả Đề án cũng như góp phần tạo thêm việc làm cho người lao động.

b) củng cố và nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác lao động, việc làm, giảm nghèo, quản lý dạy nghề để nâng cao hiệu quả thực hiện của Đề án.

c) Phối hợp với chi nhánh NHCSXH tỉnh Bắc Giang chỉ đạo triển khai thực hiện cho vay theo nội dung Đề án này. Phối hợp với các ngành liên quan tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác tổ chức cho vay.

d) Định kỳ hoặc theo yêu cầu, báo cáo tình hình thực hiện Đề án về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua chi nhánh NHCSXH tỉnh).

đ) Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH nơi cho vay phần vốn ngân sách huyện ủy thác để triển khai sử dụng nguồn vốn để thực hiện Đề án.

#### **2.6. UBND các xã, phường, thị trấn**

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn.

b) Phối hợp với NHCSXH, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai cho vay vốn kịp thời, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng; chỉ đạo kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ.

c) Có ý kiến về đề nghị của người vay đối với trường hợp đề nghị xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc xác nhận, kiểm tra, phúc tra và xác định hộ vay vốn bị rủi ro do nguyên nhân khách quan trên địa bàn.

***2.7. Các Sở, cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm thông tin tuyên truyền và phối hợp, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện Đề án./.***

## Phụ lục 1

### Tổng hợp nhu cầu vay vốn giải quyết việc làm theo kết quả rà soát của các huyện, thành phố giai đoạn 2023 - 2025

Đơn vị: cơ sở SXKD, lao động, triệu đồng

T T	Đơn vị	Cơ sở sản xuất kinh doanh có nhu cầu vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm			Người lao động có nhu cầu vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm		Tổng nhu cầu	
		Số cơ sở	Số người lao động	Số tiền	Số người lao động	Số tiền	Số người lao động	Số tiền
1	2	3	4	5	6	7	8=4+5	9=6+7
1	TP. Bắc Giang	151	635	57.150	1.389	125.010	2.024	182.160
2	Lục Ngạn	66	771	69.390	1.289	116.010	2.060	185.400
3	Lục Nam	62	696	62.640	1.506	135.540	2.202	198.180
4	Son Động	13	221	19.890	1.309	117.810	1.530	137.700



T T	Đơn vị	Cơ sở sản xuất kinh doanh có nhu cầu vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm			Người lao động có nhu cầu vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm		Tổng nhu cầu	
		Số cơ sở	Số người lao động	Số tiền	Số người lao động	Số tiền	Số người lao động	Số tiền
5	Yên Thế	87	828	74.520	1.041	93.690	1.869	168.210
6	Hiệp Hòa	16	273	24.570	1.777	159.930	2.050	184.500
7	Lạng Giang	52	713	64.170	1.380	124.200	2.093	188.370
8	Tân Yên	58	363	32.670	1.554	139.860	1.917	172.530
9	Việt Yên	32	519	46.710	1.642	147.780	2.161	194.490
10	Yên Dũng	51	595	53.550	1.499	134.910	2.094	188.460
<b>Tổng cộng</b>		<b>588</b>	<b>5.614</b>	<b>505.260</b>	<b>14.386</b>	<b>1.294.740</b>	<b>20.000</b>	<b>1.800.000</b>

**Phụ lục 2**

**Nhu cầu vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo một số lĩnh vực ưu tiên**

*Đơn vị: cơ sở SXKD, lao động, triệu đồng*

S T T	Lĩnh vực	Tổng			Nhu cầu theo các năm								
		Số cơ sở SXKD	Số Lao động	Số tiền	Số cơ sở SXKD	Năm 2023		Số cơ sở SXKD	Năm 2024		Số cơ sở SXKD	Năm 2025	
						Số lao động	Số tiền		Số lao động	Số tiền		Số lao động	Số tiền
<b>I</b>	<b>Cơ sở sản xuất kinh doanh</b>	<b>588</b>	<b>5.614</b>	<b>505.260</b>	<b>178</b>	<b>1.782</b>	<b>160.380</b>	<b>196</b>	<b>1.739</b>	<b>156.510</b>	<b>214</b>	<b>2.093</b>	<b>188.370</b>
1	Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	233	2.378	214.020	67	745	67.050	82	723	65.070	84	910	81.900
2	Sản phẩm OCOP	210	1.916	172.440	65	610	54.900	69	573	51.570	76	733	65.970
3	Sản phẩm làng nghề truyền thống	14	199	17.910	4	65	5.850	5	66	5.940	5	68	6.120
4	Dự án khởi nghiệp, sáng tạo	131	1.121	100.890	42	362	32.580	40	377	33.930	49	382	34.380
<b>II</b>	<b>Người lao động</b>		<b>14.386</b>	<b>1.294.740</b>	<b>0</b>	<b>5.522</b>	<b>496.980</b>	<b>0</b>	<b>4,450</b>	<b>400.500</b>	<b>0</b>	<b>4.414</b>	<b>397.260</b>
	<b>Tổng (I+II)</b>	<b>588</b>	<b>20,000</b>	<b>1,800,000</b>	<b>178</b>	<b>7,304</b>	<b>657,360</b>	<b>196</b>	<b>6,189</b>	<b>557,010</b>	<b>214</b>	<b>6,507</b>	<b>585,630</b>

**Phụ lục 3**  
**Biểu tổng hợp phân bổ vốn các năm**

*Đơn vị: triệu đồng*

<b>Dự kiến tổng nguồn vốn</b>	<b>Phân bổ các năm</b>			<b>Ghi chú</b>
	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2025</b>	
<b>1. Nguồn vốn Trung ương bổ sung mới</b>	<b>50.000</b>	<b>65.000</b>	<b>85.000</b>	
<b>2. Nguồn vốn của địa phương bổ sung mới</b>	<b>50.000</b>	<b>65.000</b>	<b>85.000</b>	
<i>- Nguồn vốn ngân sách tỉnh</i>	<i>30.000</i>	<i>40.000</i>	<i>55.000</i>	
<i>- Nguồn vốn ngân sách các huyện, thành phố</i>	<i>20.000</i>	<i>25.000</i>	<i>30.000</i>	
(1) TP. Bắc Giang	3.300	3.800	4.400	
(2) Lục Ngạn	1.500	2.000	2.500	
(3) Lục Nam	2.000	2.500	3.000	
(4) Sơn Động	1.000	1.300	1.500	

Dự kiến tổng nguồn vốn	Phân bổ các năm			Ghi chú
	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
(5) Yên Thế	1.200	1.700	2.000	
(6) Hiệp Hòa	2.400	2.800	3.300	
(7) Lạng Giang	2.300	2.900	3.500	
(8) Tân Yên	1.500	2.100	2.700	
(9) Việt Yên	3.300	3.800	4.400	
(10) Yên Dũng	1.500	2.100	2.700	
<b>3. Nguồn vốn thu hồi từ các khoản cho vay các năm trước đến hạn</b>	<b>90.000</b>	<b>115.000</b>	<b>110.000</b>	
<b>Tổng cộng</b>	<b>190.000</b>	<b>245.000</b>	<b>280.000</b>	

**Ghi chú:** Đối với các huyện, thành phố đã cân đối nguồn ngân sách ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội năm 2023 thấp hơn so với kế hoạch của Đề án, thì các đơn vị bố trí cân đối bổ sung nguồn vốn vào các năm tiếp theo đảm bảo theo kế hoạch của Đề án.